

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2021/DS-PT

Ngày: 03 - 12 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu
công nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Vân**.

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Hồng Chi**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 11 năm 2021 và ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm L**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 20, đường C, phường 9, thành phố M, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: chị **Dương Thị Kim L1**, sinh năm 1972; (Theo Giấy ủy quyền số 3839 ngày 24/3/2021) (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 28, ấp G, xã P, thành phố M, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 18, đường C, phường 9, thành phố M, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Tiến T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 20, đường C, phường 9, thành phố M, Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Tiến T: chị **Dương Thị Kim L1**, sinh năm 1972; (có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 28, ấp G, xã P, thành phố M, Tiền Giang.

3.2. Ông **Lê Thành T1**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số 31/4, đường X, phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thành T1: ông **Võ Trọng K**, sinh năm 1978. (Theo Giấy ủy quyền số 3619 ngày 22/3/2021) (có mặt)*

Địa chỉ: 7/11 Y, Phường 3, thành phố M, Tiền Giang.

3.3. Bà **Đinh Thị H1**, sinh năm 1959; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 18, đường C, khu phố 6, phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thành T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Dương Thị Kim L1 trình bày:

Vào ngày 09/4/2014, ông Nguyễn Thanh H có viết biên nhận nhận trước của vợ chồng chị Nguyễn Thị Cẩm L, anh Lê Tiến T số tiền 250.000.000 đồng do ông có chuyển nhượng cho vợ chồng chị phần đất ngang 4,2 m, dài 36 m tại khu phố 6, phường 9, thành phố M, Tiền Giang, giáp lộ nhựa đường vào Xí nghiệp dệt với giá là 500.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận năm 2017 làm thủ tục xong sẽ nhận phần tiền còn lại. Vào ngày 22/10/2016, ông H có viết biên nhận nhận đủ tiền chuyển nhượng là 149.000.000 đồng. Ngày 18/5/2017, ông H có viết giấy cam kết thoả thuận đến cuối năm 2018 sẽ làm thủ tục chuyển nhượng 100m² đất ở, phần còn lại sau tết nguyên đán năm 2018 ông sẽ di dời cây cảnh, hai bên tạm đo đạc, làm hàng rào để vợ chồng chị L tiện việc khai thác, sử dụng. Nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đang thế chấp tại ngân hàng nên năm 2018 ông chỉ chuyển nhượng cho chị diện tích 78,5 m² thuộc thửa số 636, tờ bản đồ số 10. Ngày 17/02/2020, ông H chuyển nhượng cho ông Lê Thành T1 phần đất thuộc thửa số 702 diện tích 273,6m² trong đó có phần đất 72,6 m² đã thoả thuận chuyển nhượng cho vợ chồng chị L.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 72,6 m² tại khu phố 6, phường 9, thành phố M, Tiền Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị; Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 950 ngày 17/02/2020 giữa ông Nguyễn Thanh H và ông Lê Thành T1 vô hiệu một phần và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07926 ngày 03/3/2020 cấp cho ông Lê Thành T1 để điều chỉnh lại diện tích theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị H1 và ông Lê Thành T1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng nhưng không đến Toà án và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Tiến T: Anh đồng ý với ý kiến và yêu cầu của chị Lê.

* Bản án sơ thẩm số: 106/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 129, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L.
- Công nhận phần đất diện tích 72,6m² (ngang 4,2m dài 17,3m) thuộc thửa số 702, tờ bản đồ số 10 tại khu phố 6, phường 9, thành phố M, Tiền Giang thuộc quyền quản lý, sử dụng của chị Nguyễn Thị Cẩm L.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/02/2020 giữa ông Nguyễn Thanh H và ông Lê Thành T1 vô hiệu một phần. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang điều chỉnh và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07926 ngày 03/3/2020 của ông Lê Thành T1 sau khi trừ đi diện tích 72,6 m² cấp cho chị Nguyễn Thị Cẩm L (có bản vẽ hiện trạng thửa đất ngày 28/7/2020 kèm theo).

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 12/01/2021, anh Lê Thành T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 106/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 72,6 m² tại khu phố 6, phường 9, thành phố M tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị; Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 950 ngày 17/02/2020 giữa ông Nguyễn Thanh H, và bà Đinh Thị H1 với ông Lê Thành T1 vô hiệu một phần.

- Người kháng cáo ông Lê Thành T1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của người kháng cáo: Việc thỏa thuận chuyển nhượng QSDĐ giữa ông H và chị L đầu tiên vào ngày 09/4/2014 được thể hiện bằng tờ “biên nhận” nhận tiền và sau đó là “giấy cam kết thỏa thuận”. Tại phần cuối 02 tờ biên nhận và giấy cam kết thỏa thuận này đều có nội dung “khi làm thủ tục cơ quan chức năng sẽ đo đạc chính xác bàn giao”. Và “Từ đây đến khi hoàn thành thủ tục có gì phát sinh hai bên sẽ bàn bạc trao đổi”. Đến ngày 17/10/2018 ông H, chị L đến Văn phòng công chứng Cửu Long chính thức làm hợp đồng để sang tên. Tại điều 1 hợp đồng thể hiện rõ “Phần diện tích đất của bên A chuyển nhượng cho bên B do hai bên tự thỏa thuận đo vẽ, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật như sau: thửa 636, diện tích 78,5 m²”. Đối chiếu thỏa thuận của các bên như đã nêu ở trên, thể hiện việc thỏa thuận chuyển nhượng QSDĐ của ông H và chị L đã được thực hiện xong và không có tranh chấp. Nên phần diện tích ông T1 mua của ông H thuộc thửa 702 không liên quan gì đến phần diện tích ông H đã bán cho chị L. Trước khi mua đất, ông H có đưa giấy tờ đất cho ông T1 xem. Ông T1 biết rõ cụ thể phần diện tích ông H đã bán cho chị L. Phần còn lại ông H chưa bán nên mới đồng ý mua. Quá trình làm thủ tục sang tên không có bất kỳ văn bản của cơ quan có thẩm quyền nào yêu cầu tạm ngưng việc chuyển nhượng, nên việc ông T1 mua đất của ông H và đã được cấp giấy đất hoàn toàn ngay tình, đúng pháp luật. Trên thực tế ông T1 cũng đã nhận được diện tích chuyển nhượng. Do đó không có căn cứ nào để tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng ông H, bà H1 với ông T1 là vô hiệu. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông T1 sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện phía nguyên đơn cho rằng: Theo ý kiến ông H tại biên bản cuộc họp để giải quyết đơn tố cáo của chị L tại nơi ông công tác, ông H có khai nhận không có việc bán đất mà chỉ là cầm cố đất; Sau khi thỏa thuận việc chuyển nhượng chị L đã được ông H bàn giao đất và có kéo hàng rào làm khuôn viên riêng nên ông T1 khi xem đất phải biết đất này đã được bán cho người khác mà vẫn mua là không ngay tình; Việc ông T1 làm thủ tục mua bán và được cấp giấy có dấu hiệu nhanh bất thường. Từ đó đề nghị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông H với ông T1 là vô hiệu một phần đối với phần diện tích ông H đã bán cho chị L. Án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu chị L là có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

+ Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, xét thấy nội dung và hình thức hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông H với vợ chồng chị L, anh T đối với phần đang tranh chấp là vô hiệu do không đảm bảo về hình thức và nội dung, nhưng việc xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu chưa được xem xét là chưa đảm bảo quyền lợi các bên. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 106/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H1 vắng mặt và đã được triệu tập đến lần thứ hai nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 72,6 m² tại khu phố 6, phường 9, thành phố M, Tiền Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị; Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 950 ngày 17/02/2020 giữa ông Nguyễn Thanh H, với bà Đinh Thị H1 và ông Lê Thành T1 vô hiệu một phần. Nhưng án sơ thẩm chỉ xác định có một quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là bỏ sót quan hệ tranh chấp QSDĐ theo quy định tại khoản 9 Điều 26 BLTTDS nên cần bổ sung cho đầy đủ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L với bị đơn ông Nguyễn Thanh H là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lê Thành T1 đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thành T1 HĐXX nhận thấy:

[4.1] Xác định người đang quản lý, sử dụng phần diện tích tranh chấp:

- Ngày 11/6/2021, TAND tỉnh Tiền Giang đã tiến hành kiểm tra, xem xét tại chỗ hiện trạng phần đất đang tranh chấp kết quả như sau:

+ Trên phần đất của ông H trước đây có một phần diện tích được bao bọc bởi hàng rào B40 có kích thước như sau: chiều ngang giáp lộ 2,7 m; chiều ngang đầu trong 1,7 m; phần gần giữa phình ra 3,3m. Tổng chiều dài từ lộ vào trong là 32,3m. Phần diện tích này bao gồm một phần diện tích chị L đang tranh chấp với ông T1 và một phần diện tích chị L mua của ông H đã được sang tên. Kích thước phần diện tích được bao bọc bởi hàng rào B40 không phải là kích thước hai bên

thỏa thuận mua bán. Tuy nhiên chị L vẫn cho rằng phần diện tích hai bên thỏa thuận mua bán ông H đã bàn giao cho chị quản lý, sử dụng.

+ Toàn bộ phần diện tích nằm trong hàng rào B40 này, nằm trong khuôn viên đất của ông H được vây bọc xung quanh bởi các hàng rào ranh và hai cổng vào đất ông H (nay là ông T1). Quá trình thẩm định, đoàn công tác không thể đi vào bên trong phần đất hai bên tranh chấp được bao bọc bởi hàng rào B40 để tiến hành đo đạc, kiểm tra vì ông T1 giữ chìa khóa cổng nhưng không có mặt. Đoàn phải làm ngã một đoạn hàng rào để đi vào bên trong có sự chứng kiến của chị L.

* Từ thực tế trên, cho thấy người đang trực tiếp quản lý phần diện tích tranh chấp chính là ông Lê Thành T1. Do ông T1 giữ chìa khóa cổng mà vắng mặt nên đoàn không thể vào được bên trong phần đất tranh chấp này. Nên việc chị L cho rằng chị đã được ông H kéo hàng rào bàn giao phần đất mà hai bên đã thỏa thuận mua bán cho chị trực tiếp quản lý, sử dụng là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi lẽ đến hiện tại mà chị còn không thể vào đất này được thì làm sao nói mình đang quản lý, canh tác, sử dụng được. Ngoài ra, kích thước phần diện tích được bao bọc bởi hàng rào B40 không phải là kích thước mà ông H, chị L thỏa thuận chuyển nhượng; Tại các biên nhận thể hiện việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa chị L và ông H đều xác định sẽ đo đạc cụ thể bàn giao khi làm thủ tục sang tên, nhưng ngay cả phần diện tích chuyển nhượng chị L đã được sang tên cũng vẫn chưa được cặm cọc bàn giao trên thực địa. Tại phần cuối “GIẤY CAM KẾT THỎA THUẬN” ngày 18/5/2017 giữa ông H và chị L thể hiện “Từ đây đến khi hoàn thành thủ tục có gì phát sinh hai bên sẽ bàn bạc trao đổi” cho thấy thỏa thuận của các bên còn để mở chưa chốt lại thỏa thuận cuối cùng, và “bên nào bội tín sẽ **bồi thường** theo luật hiện hành” (bl 06). Như vậy, nếu như vợ chồng anh T, chị L cho rằng ông H chưa giao đủ đất thì chị có quyền nộp đơn yêu cầu ông H bồi thường theo luật hiện hành mà hai bên đã thỏa thuận. Do đó yêu cầu công nhận phần đất diện tích 72,6 m² tại khu phố 6, phường 9, thành phố M tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị L là không có cơ sở nên bác.

- Xét hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Nguyễn Thanh H với bà Đinh Thị H1 và ông Lê Thành T1: Ông Lê Thành T1 hoàn toàn không biết trong tổng số 273,6 m² đất ông đã nhận chuyển nhượng hợp pháp của ông Nguyễn Thanh H có 72,6m² đất ông H đã hứa bán cho chị L như chị L đã trình bày. Bởi lẽ ngày 04/9/2019 ông T1 và chị L có cùng ký tên xác nhận tứ cận cho ông H làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ mới (bl 51), nên ông T1 biết rõ phần diện tích nào ông H đã bán cho chị L, phần nào chưa bán nên việc ông mua đất của ông H hoàn toàn ngay tình, đúng pháp luật. Quá trình làm thủ tục sang tên không bị bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào ngăn cản. Trình tự thủ tục chuyển nhượng QSDĐ diện tích 273,6 m² là đúng quy định và ông T1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CS07926 vào ngày 03/3/2020. Do đó yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu một phần của chị L là không có căn cứ nên bác.

- Yêu cầu kháng cáo của ông T1 là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về ý kiến luật sư cho rằng hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng ông H và bà H1 với ông T1 là giả tạo do cầm cố là trái với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và trên thực tế ông T1 đã được ông H bàn giao đất và chia khóa cổng phần diện tích chuyển nhượng nên bác.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang HĐXX đã có cân nhắc xem xét khi nghị án.

[7] Về án phí: Ông T1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thành T1. Sửa bản án sơ thẩm số 106/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 72,6 m² đang tranh chấp tại khu phố 6, phường 9, thành phố M, Tiền Giang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà; và yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 950 ngày 17/02/2020 giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị H1 với ông Lê Thành T1 vô hiệu một phần.

2/ Về án phí: Ông Lê Thành T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông T1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002093 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0001145 ngày 20/02/2020 và biên lai số 0001880 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Chị L đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án được tuyên vào lúc 14 giờ 10 phút, ngày 03 tháng 12 năm 2021 (Có mặt chị L, anh K, đại diện Viện kiểm sát; Các đương sự còn lại vắng mặt)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân